

Số: 459/BC-SNN

Trà Vinh, ngày 14 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác tháng 8 và kế hoạch công tác tháng 9 năm 2023

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Tình hình sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh có một số thuận lợi và khó khăn đan xen như: Nguồn nước ngọt dồi dào phục vụ tốt cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt, các loại bệnh nguy hiểm trên cây trồng, thủy sản nuôi cơ bản được kiểm soát; sản lượng hoa màu, cây ăn trái, thủy sản nuôi đạt khá và cao hơn cùng kỳ, giá lúa tăng mạnh, tôm và cam sành tăng nhẹ, heo hơi giảm nhẹ nhưng vẫn ở mức cao; tình hình thiệt hại trên tôm nuôi vẫn tiếp tục xảy ra nhưng thấp hơn cùng kỳ. Tuy nhiên, giá vật tư đầu vào phục vụ sản xuất như phân bón tăng nhẹ, các mặt hàng thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, thuốc BVTV... chưa cải thiện vẫn ở mức cao làm tăng giá thành sản phẩm; giá tôm thương phẩm tăng nhẹ nhưng người dân chưa mạnh dạn tái sản xuất, giá bò hơi ở mức thấp (hiệu quả sản xuất không cao); thị trường tiêu thụ nông sản gặp nhiều khó khăn được mùa thì mất giá (thanh long, chanh, ớt, dưa hấu...). Nhưng được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp, đặc biệt là sự nỗ lực vượt khó của nông dân nên sản xuất nông nghiệp duy trì được mức độ tăng trưởng, cụ thể như sau:

II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành

Tham mưu trình Ủy Ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh: Dự thảo sửa đổi Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của HĐND về Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025

Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh 32 tờ trình⁽¹⁾

⁽¹⁾ Tờ trình số: 454/TTr-SNN 21/7/2023 Tờ trình vv ban hành Kế hoạch phòng chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn gđ từ năm 2023-2025; 457/TTr-SNN ngày 24/7/2023 Tờ trình ban hành giá cây trồng để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện công trình Đường dân sinh cấp Bệnh viện Trà Vinh; 459/TTr-SNN ngày 24/7/2023 Tờ trình Về việc xin chủ trương nạo vét luồng cho tàu cá ra vào Cảng cá Định An, thị trấn Định An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh; 460/TTr-SNN ngày 24/7/2023 Tờ trình vv xin điều chỉnh chỉ tiêu sản xuất lúa năm 2023; 462/TTr-SNN ngày 24/7/2023 Tờ trình Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Nạo vét 18 tuyến kênh thủy lợi phục vụ sản xuất; 463/TTr-SNN ngày 26/7/2023 Tờ trình Về việc điều chỉnh Khoản 4, Khoản 9 Điều 1 Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án Di dân khẩn cấp khu vực sạt lở nguy hiểm xã Định An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh; 464/TTr-SNN ngày 26/7/2023 Tờ trình Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Sửa chữa thường xuyên năm 2023 huyện Tiêu Cần; 465/TTr-SNN ngày 26/7/2023 Tờ trình Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Sửa chữa thường xuyên năm 2023 huyện Cầu Kè; 468/TTr-SNN ngày 26/7/2023 Tờ trình vv phê duyệt Kế hoạch trồng 03 ha rừng ngập mặn tại huyện Duyên Hải năm 2023 của Công ty TNHH MTV Xã hội MangLub Việt Nam (có gửi vb giấy đến UBND tỉnh); 467/TTr-SNN ngày 26/7/2023 Tờ trình xin phê duyệt Kế hoạch thực hiện

Triển khai Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 31/7/2023 của HĐND tỉnh ban hành định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất; nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Trình Sở Tư pháp trình cấp trên công bố hết hiệu lực Nghị quyết 09/2013/NQHĐND ngày 11/07/2013 Phê chuẩn mức chi trong sử dụng nguồn vốn hỗ trợ địa phương sản xuất lúa theo Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 11/05/2012 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Xây dựng và ban hành 14 Quyết định⁽²⁾, 09 Kế hoạch, Xây dựng và đăng công thông tin lấy ý kiến (lần 1) dự thảo Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân thuộc Chương trình bố trí, ổn định các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021- 2025; Hoàn chỉnh hồ sơ chuẩn bị trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung: Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 02/11/2021 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Quy định tiêu chí đặc thù và quy trình xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp

Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh gđ 2023-2025; 474/TTr-SNN ngày 28/7/2023 Tờ trình dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều 3 Quy định tiêu chí đặc thù và quy trình xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển; 476/TTr-SNN ngày 31/7/2023 Tờ trình Về việc đề nghị điều chỉnh khoản 11 Điều 1 Quyết định số 262/QĐ-SKHĐT ngày 03/11/2023 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; 478/TTr-SNN ngày 1/8/2023 Tờ trình Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Nạo vét 06 kênh cấp II, xã Long Hòa; 477/TTr-SNN ngày 1/8/2023 Tờ trình Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Nạo vét 18 tuyến kênh thủy lợi phục vụ sản xuất; 481/TTr-SNN-TTN ngày 3/8/2023 Tờ trình vv phê duyệt dự toán Mua 75 tấn Clo bột xử lý nước; 483/TTr-SNN ngày 3/8/2023 Tờ trình vv thẩm định Đề án thực hiện chức năng, nhiệm vụ Nhà nước giao năm 2024 của Hội Thủy sản và Làm vườn; 484/TTr-SNN ngày 3/8/2023 Tờ trình về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của hợp tác xã nông nghiệp theo Quyết định số 854/QĐ-TTg ngày 18/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 – 2025; 485/TTr-SNN V/v đoàn của Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemalink đến tỉnh tham quan rừng ngập mặn; 486/TTr-SNN ngày 4/8/2023 Tờ trình Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình Duy tu, bảo dưỡng đoạn đê Tổng Long - Bắc Trang, xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú; 489/TTr-SNN ngày 4/8/2023 Tờ trình vv chỉ đạo tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc, quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả Kế hoạch số 28/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh; 490/TTr-SNN ngày 4/8/2023 Về việc xin chủ trương thuê đơn vị tư vấn thẩm định giá, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy và thuê tư vấn lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Dự án “Mô hình trình diễn kho lạnh thông minh”; 500/TTr-SNN ngày 9/8/2023 Tờ trình vv thẩm định và trình phê duyệt thiết kế và dự toán kinh tế kỹ thuật Phương án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang thi công các dự án: Dự án Luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu (Gđ 2) và Dự án Xây dựng công viên xã Trường Long Hòa; 501/TTr-SNN ngày 10/8/2023 Tờ trình vv xin cho Đoàn của Công ty SK Innovation tham gia trồng rừng ngập mặn trải nghiệm và tổ chức sự kiện nâng cao nhận thức về rừng ngập mặn cho cộng đồng tại TV; 504/TTr-SNN ngày 10/8/2023 Tờ trình vv xin xác lập quyền sở hữu toàn dân và phê duyệt Phương án xử lý tài sản là động vật rừng do cá nhân tự nguyện giao nộp cho Nhà nước; 507/TTr-SNN ngày 11/8/2023 Tờ Trình xin cấp kinh phí tham gia Festival Bảo tồn và Phát triển làng nghề Việt Nam năm 2023.

⁽²⁾ Quyết định: 316/QĐ-SNN ngày 21/7/2023 Quyết định Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Bưởi da xanh Trà Vinh” dùng cho sản phẩm bưởi da xanh của tỉnh Trà Vinh; 317/QĐ-SNN ngày 21/7/2023 Quyết định ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Cua Trà Vinh” dùng cho sản phẩm cua biển của tỉnh Trà Vinh; 318/QĐ-SNN ngày 24/7/2023 Quyết định vv thành lập Tổ kiểm kê bàn giao tài sản Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh TV; 328/QĐ-SNN ngày 31/7/2023 Quyết định thành lập Tổ công tác quản lý và thực hiện "Dự án Hỗ trợ cộng đồng ứng phó hạn hán"; 329/QĐ-SNN ngày 31/7/2023 Quyết định thành lập Tổ Công tác quản lý và thực hiện Dự án Sinh kế TV;

văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển; đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá hoạt động trong nội địa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Kết quả sản xuất nông, lâm, thủy sản và phát triển nông thôn

Diện tích gieo trồng trong tháng 10.528 ha, nâng tổng số được 182.0890 ha, đạt 75,08% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 7.264 ha, cụ thể: - Cây lúa: Gieo sạ 7.176 ha (vụ Thu Đông), thu hoạch 12.725 ha (vụ Hè Thu). Lũy kế đến nay gieo sạ 140.338 ha, đạt 73,89% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 5.290 ha; thu hoạch 78.717 ha, chiếm 56,09% diện tích xuống giống, ước sản lượng 465.282 tấn, cụ thể:

+ Thu hoạch dứt điểm vụ mùa và Đông Xuân 63.201 ha, đạt 100% diện tích xuống giống, sản lượng 384.133 tấn (vụ mùa 1.142 ha, năng suất trung bình 4,42 tấn/ha, sản lượng 5.048 tấn; vụ Đông Xuân 62.059 ha, năng suất trung bình 6,1 tấn/ha, sản lượng 383.814 tấn).

+ Vụ Hè Thu: Thu hoạch 12.725 ha, lũy kế đến nay thu hoạch 15.516 ha, đạt 22,2% diện tích xuống giống, năng suất trung bình 5,23 tấn/ha, cao hơn cùng kỳ 0,2 tấn/ha.

+ Vụ Thu Đông: Xuống giống 7.167 ha, đạt 10,5% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 6.501 ha.

* Do ảnh hưởng của gió giạt, mưa lớn làm đổ ngã 484 ha lúa Hè Thu sập thu hoạch, tỉ lệ <30% là 389 ha, tỉ lệ 30 - 70% là 80 ha, >70% là 15 ha, gồm: Tiểu Cần 328 ha, Trà Cú 160 ha, Châu Thành 50 ha.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 3.360 ha, nâng tổng số đến nay gieo trồng 41.751 ha, đạt 79,4% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 1.973 ha, gồm: Màu lương thực 4.662 ha, màu thực phẩm 23.800 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 13.289 ha.

- Tuyên truyền, hướng dẫn nông dân bón phân cân đối để cây lúa khỏe, hạn chế đổ ngã để cho năng suất cao nhất; khuyến cáo nông dân thường xuyên thăm đồng, kịp thời phòng, trị các loại sâu bệnh gây hại. Kết hợp địa phương xây dựng khung lịch thời vụ, thông báo xuống giống vụ Thu Đông tại Thông báo số 480/TB-SNN-BVTV ngày 01/8/2023, đồng thời hướng dẫn chăm sóc đến giai đoạn an toàn; theo dõi và hướng dẫn nông dân phòng trị các loại sâu bệnh trên cây ăn trái và hoa màu các loại. Tiếp tục kiểm tra, đánh giá, giám sát mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói, đến nay được Cục Bảo vệ thực vật duy trì và cấp mới 23 mã số phục vụ xuất khẩu; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác nhận cấp 7 mã số, lũy kế đến nay 38 mã số vùng trồng trong nước (Trà Cú 10; Càng Long 7; Cầu Kè 06; Cầu ngang 04, Châu Thành 03, Duyên Hải 01, Tiểu Cần 06, thành phố Trà Vinh 01). Tổ chức 04 lớp tập huấn mã số vùng trồng với 85 đại biểu tham dự. Thẩm định, cấp mới và cấp lại 04 giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, lũy kế đến nay cấp mới và cấp lại 41 giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật (phân bón 16, thuốc BVTV 25); Báo cáo đăng ký tham gia Đề án phát triển bền vững 01 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao gắn với tăng

trường xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long; báo cáo đăng ký diện tích sản xuất lúa đảm bảo chi trả tín chỉ Cacbon

b) Chăn nuôi, thú y

Vận động tiêm phòng vaccine Cúm gia cầm trên 293 ngàn con, LMLM gia súc 5,57 ngàn con, Đại chó 1,037 ngàn liều, viêm da nổi cục trên trâu, bò 48,25 ngàn liều, các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia súc 74,7 ngàn liều và các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia cầm 1,016 triệu con. Nâng đến nay đã tiêm phòng vắc xin Cúm gia cầm 1,87 triệu con (đạt 31,63% kế hoạch), lở mồm long móng 131,6 ngàn con (đạt 30,3% kế hoạch riêng đàn bò đạt 55,79% kế hoạch), Viêm da nổi cục 63 ngàn con (đạt 34,26% kế hoạch); Đại chó 27,197 ngàn liều (đạt 25,57% kế hoạch), vắc xin DTHCP 212 con; các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia súc 425 ngàn con (đạt 60,67% kế hoạch) và các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia cầm 2,76 triệu con.

Kiểm dịch 84.175 con heo (giảm 73.519 con so cùng kỳ); 18.614 con bò (tăng 10.065 con), 1,162 triệu con gia cầm (tăng 155,8 ngàn con); 347,6 tấn sản phẩm động vật (tăng 86 tấn) và kiểm dịch 934,68 triệu con (tăng 198 triệu con).

c) Lâm nghiệp

Thực hiện trồng mới 9,5 ha, tổ chức 129 lượt tuần tra bảo vệ rừng, cấp 11 mã số gây nuôi động vật hoang dã; 28 bảng kê xuất bán động vật hoang dã. Nâng đến nay trồng mới 21 ha rừng (20 ha rừng Đước đôi và 01 ha rừng Bần chua); tuyên truyền, vận động người dân sống ven rừng Phi lao sử dụng lửa an toàn. Tổ chức 615 lượt tuần tra bảo vệ rừng phát hiện 01 trường hợp vi phạm, đã tiến hành xử lý theo quy định và buộc khắc phục lại hậu quả; cấp 24 mã số gây nuôi động vật hoang dã; 92 bảng kê xuất bán động vật hoang dã; ký hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng 3.348,74 ha (đạt 95,95% kế hoạch diện tích không đạt so với kế hoạch là do rừng bị sạt lở làm giảm diện tích giao khoán rừng).

d) Thủy sản: Tình hình dịch bệnh cơ bản được kiểm soát, thực hiện tốt công tác giám sát và chuyên gia khoa học kỹ thuật phục vụ cho nuôi trồng thủy sản, từng bước cơ cấu lại con nuôi, lịch thả giống thích nghi với biến đổi khí hậu. Sản lượng thu hoạch 36.905 tấn. Nâng đến nay thu hoạch 172.177 tấn (sản lượng nuôi 130.772 tấn, sản lượng khai thác 41.405 tấn), đạt 70,41% kế hoạch, tăng 20.187 tấn so cùng kỳ, cụ thể:

- Nuôi trồng: Thả nuôi 498,1 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 5.063 ha; thu hoạch 23.667 tấn. Nâng đến nay thả nuôi 6,658 tỷ con tôm, cá giống các loại, diện tích 55.673 ha, vượt 6,86%; thu hoạch 130.772 tấn (tăng 16.027 tấn so cùng kỳ), đạt 72,57% kế hoạch (tôm sú 9.509 tấn, tôm thẻ chân trắng 58.449 tấn, cua 3.690 tấn, cá lóc 38.732 tấn, cá tra 9.497, tôm càng xanh 1.783 tấn, cá các loại 4.126 tấn) trong đó:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 487 triệu con giống, diện tích 4.922 ha, cụ thể: Thả nuôi 61,7 triệu con tôm sú giống, diện tích 2.485 ha; 409,7 triệu con tôm thẻ chân trắng, diện tích 440 ha (thâm canh mật độ cao 40 triệu con, diện tích 149,7 ha); cua biển 15,6 triệu con giống, diện tích 1.645 ha; thu hoạch 22.068 tấn. Nâng đến nay thả nuôi thả nuôi 6,46 tỷ con giống, diện tích 50.612 ha, cụ thể:

Thả nuôi 1,68 tỷ con tôm sú giống, diện tích 22.818 ha; 4,63 tỷ con tôm thẻ chân trắng, diện tích 6.536 ha (thâm canh mật độ cao 1,86 tỷ con, diện tích 957 ha); cua biển 152,3 triệu con giống, diện tích 21.497 ha; thu hoạch 76.634 tấn (cao hơn cùng kỳ 11.311 tấn), đạt 78,2% kế hoạch. Tuy nhiên, do nhiệt độ ngày và đêm chênh lệch lớn tạo điều kiện cho mầm bệnh phát sinh gây thiệt hại 104 triệu con tôm sú (chiếm 9% lượng con giống thả nuôi), diện tích 614 ha; 537 triệu con tôm thẻ (chiếm 12% lượng con giống thả nuôi), diện tích 821 ha tôm chết ở giai đoạn từ 25 - 55 ngày tuổi, đa số có dấu hiệu của bệnh đốm trắng, đỏ thân, gan tụy, đường ruột và chậm phát triển giai đoạn đầu.

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 11,1 triệu con cá giống các loại với diện tích 141 ha, thu hoạch 4.716 tấn. Nâng đến nay thả nuôi 198,9 triệu con cá giống các loại với diện tích 4.153 ha. Thu hoạch 54.138 tấn (cao hơn cùng kỳ 9.248 tấn), đạt 65,86% kế hoạch.

* Đăng ký nuôi các đối tượng chủ lực (tôm): 07 hộ nuôi (diện tích 3,29 ha; 25 ao) trên địa bàn huyện Duyên Hải đăng ký nuôi đối tượng chủ lực và đã được cấp giấy xác nhận đăng ký nuôi. Từ năm 2021 đến nay, có 124 hộ (54,64 ha; 232 ao) nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng đăng ký nuôi và đã được cấp giấy xác nhận (Cầu Ngang: 75 hộ, 16,37 ha, 99 ao; Duyên Hải: 39 hộ, 32,93 ha, 81 ao; Thị xã Duyên Hải: 09 hộ, 5,06 ha, 46 ao; Châu Thành: 01 hộ, 0,31 ha, 06 ao).

- Khai thác: Toàn tỉnh có 879 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 112.837 CV, giảm 221 CV (*271 tàu có chiều dài từ 15 m trở lên*); phối hợp Bộ đội Biên phòng tỉnh hỗ trợ ngư dân lắp đặt thiết bị giám sát hành trình được đạt 100% kế hoạch; cấp phát, hướng dẫn ghi nhật ký khai thác 154 tàu cá. Ước sản lượng khai thác 13.238 tấn; trong đó, khai thác nội đồng 701 tấn, khai thác hải sản 12.537 tấn. Nâng đến nay sản lượng khai thác 41.405 tấn (3.990 tấn tôm), đạt 64,34% kế hoạch (*tăng 4.160 tấn so cùng kỳ*), trong đó, khai thác nội đồng 4.761 tấn (420 tấn tôm), khai thác hải sản 36.644 tấn (3.570 tấn tôm).

- Thu mua, chế biến: Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long thu mua 201 tấn tôm thẻ chân trắng, chế biến 499 tấn, tiêu thụ 273 tấn, kim ngạch xuất khẩu 3,71 triệu USD. Nâng tổng số đến nay doanh nghiệp thu mua 2.098 tấn tôm (112 tấn tôm sú, 1.963 tấn tôm thẻ), chế biến 3.652 tấn, tiêu thụ 2.018 tấn, kim ngạch xuất khẩu 24,37 triệu USD.

e) Phát triển nông thôn

* *Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (NTM)*: Tiếp tục phối hợp với các Sở, ban ngành và địa phương xây dựng kế hoạch tuyên truyền xây dựng NTM năm 2023; tổ chức công bố các xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu.

- Huyện Nông thôn mới: Hiện nay toàn tỉnh có 08/9 đơn vị cấp huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM. Năm 2023, huyện Trà Cú đăng ký đạt chuẩn NTM, đến nay huyện đạt 7/9 tiêu chí, còn lại 03 tiêu chí chưa đạt (Tiêu chí 7 về Môi trường; Tiêu chí 9 về Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công)

- Kết quả xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao của huyện Cầu Kè đã đạt 5/9 tiêu chí, còn lại 04 tiêu chí chưa đạt (tiêu chí số 5, 6, 7, 8)
- Xã nông thôn mới: Đến nay có 85/85 xã đạt chuẩn NTM, đạt 100% số xã.
- Xã nông thôn mới nâng cao: Tính đến nay, toàn tỉnh có 38 xã đạt NTM nâng cao. Năm 2023, phần đầu toàn tỉnh có 50% số xã đạt chuẩn NTM nâng cao. Hiện các xã đang tập trung thực hiện các tiêu chí chưa đạt.
- Xã NTM kiểu mẫu: Đã tổ chức công bố 03 xã được UBND tỉnh Quyết định công nhận xã đạt NTM kiểu mẫu, gồm: Long Đức, An Trường, An Phú Tân.

** Chương trình OCOP, ngành nghề nông thôn:*

Triển khai kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh đến 2025 trình UBND tỉnh xem xét, quyết định ban hành; Kiểm tra, giám sát công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2023; hiện đang đăng tải gói thầu lắp đặt 05 Pano tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường làng nghề năm 2023 trên địa bàn các huyện Trà Cú, Tiểu Cần và Càng Long; xây dựng kế hoạch in ấn tờ rơi tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường làng nghề năm 2023.

- Sản phẩm OCOP: Sản phẩm OCOP: Đến nay trên địa bàn tỉnh có 194 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP (từ 03 sao trở lên), trong đó Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận Trà Vinh có 03 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP cấp quốc gia gồm: “Mật hoa dừa”, “Đường hoa dừa” của Công ty TNHH Trà Vinh FARM và sản phẩm “Dừa sáp sợi - VICOSAP” của Công ty TNHH chế biến dừa sáp Cầu Kè. Tiến độ mua máy móc của 02 cơ sở (Công ty TNHH Trà Vinh Farm, Công ty TNHH chế biến dừa sáp Cầu Kè) và văn bản rà soát hỗ trợ Tem truy xuất nguồn gốc

** Kinh tế hợp tác:*

- Hợp tác xã: Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 144 HTX NN (Trong đó có 120 HTX đang hoạt động và 24 HTX ngưng hoạt động); Về quy mô của các HTX đang hoạt động: Tổng vốn điều lệ 91,467 tỷ đồng, thu hút 7.066 thành viên, tạo việc làm cho 745 lao động trong HTX.

- Liên hiệp HTX: Hiện có 01 Liên hiệp hợp tác xã lúa - gạo với 09 HTX thành viên tham gia (phát triển thêm 02 HTX thành viên so với thời điểm mới thành lập), vốn điều lệ là 150 triệu đồng, vốn góp 118 triệu đồng.

- Tổ hợp tác: Đến nay, toàn tỉnh có 1.719 THT hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp với 30.198 thành viên; Hoàn thành 18/20 lớp tập huấn thành lập mới THT tại huyện Châu Thành, Cầu Kè, Tiểu Cần và Trà Cú.

- Hoàn chỉnh nội dung báo cáo phục vụ hội nghị sơ kết đánh giá kết quả 05 năm thực hiện Nghị quyết số 78/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh (sau khi hội nghị sơ kết trên cơ sở đề nghị của địa phương sẽ điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết)

** Bố trí dân cư:* Triển khai thực hiện dự án Di dân khẩn cấp khu vực sạt lở nguy hiểm xã Định An; khảo sát thực tế khu vực sạt lở nguy hiểm xã Định An, huyện Trà Cú và Dự án Di dân khẩn cấp sự cố sạt lở bờ biển khu vực Cồn Nhàn, ấp Đông Thành, ấp Hồ Thùng, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải. Phối hợp bàn

ấp Đông Thành, ấp Hồ Thùng, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải. Phối hợp bàn giao mặt bằng và tháo gỡ các nội dung liên quan Dự án; Hoàn chỉnh báo cáo tiếp thu giải trình việc lấy ý kiến dự thảo Nghị quyết và Báo cáo chính sách hỗ trợ cho gia đình, cá nhân thuộc Chương trình bố trí, ổn định các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025: Có 08 Văn bản góp ý (Thị xã Duyên Hải, Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thành phố Trà Vinh, UBND tỉnh, Tiểu Cần, Cầu Ngang và Sở Tài chính).

* Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Thực hiện bảo trì 01 trạm cấp nước Đông Hải (huyện Duyên Hải) và An Trường (huyện Càng Long). Dự án công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh: Sau khi tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi sẽ trình Sở Xây dựng thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, khi có kết quả Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn sẽ phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi; Dự án Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang: Trình Sở Xây dựng thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật.. Nâng đến nay đã cung cấp cho 173.656 hộ sử dụng nước máy, ước tỷ lệ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99,8% (trong đó tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt 78%). Tiếp tục thực hiện các quy trình chuyển Trung tâm NS&VSMTNT thành công ty cổ phần.

4. Xây dựng cơ bản, công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai

a) Công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai

Công tác thủy lợi nội đồng:.

Phối hợp với Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi kiểm tra, vận hành công tích trữ nước ngọt ở những nơi có điều kiện, ngăn triều cường phục vụ sản xuất lúa vụ Hè Thu và Thu Đông; kết hợp địa phương triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 1819/KH-SNN ngày 13/12/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phòng chống khô hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn mùa khô năm 2022-2023. Tham mưu theo dõi, đôn đốc các Sở, ban, ngành và địa phương thực hiện Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021-2026.

Phối hợp với địa phương tổ chức khảo sát hiện trạng, xây dựng kế hoạch duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng và khắc phục sạt lở công trình đê điều trên địa bàn tỉnh năm 2024; Nạo vét 05 kênh cấp II, xã Phương Thạnh, An Trường A, Huyện Hội, Tân Bình và Đại Phúc; Nạo vét 08 kênh cấp II, xã Kim Sơn, Lưu Nghiệp Anh, Long Hiệp và Ngọc Biên.

Theo dõi, phối hợp các sở, ngành, địa phương thực hiện Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 29/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức 24 đợt kiểm tra an toàn các tuyến đê, kè, phát hiện 04 trường hợp vi phạm đến hành lang an toàn đê, kè, các trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê đã tiến hành xử lý theo quy định. Nâng đến nay tổ chức 151 đợt kiểm tra an

toàn các tuyến đê, kè, phát hiện 29 trường hợp vi phạm đến hành lang an toàn đê, kè, các trường hợp vi phạm chủ yếu xây dựng nhà, chuồng bò, đơn vị chuyên môn kết hợp với chính quyền địa phương lập biên bản xử lý theo quy định.

b) Công tác xây dựng cơ bản: Tiếp tục theo dõi, triển khai thực hiện 11 dự án, gồm: 01 công trình lâm nghiệp, 05 công trình đê kè; 02 công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp, 02 công trình phục vụ thủy sản, 01 công trình di dân. Giải ngân đến 14/8/2023 là 99,73 tỷ đồng, đạt 43,4% kế hoạch vốn 2023.

5. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành

a) Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm (ATTP), quản lý tàu cá, cảng cá và thanh tra, kiểm tra.

Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, ATTP: Hướng dẫn, tiếp nhận 11 cơ sở ký bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn. Thẩm định điều kiện bảo đảm ATTP 17 cơ sở (04 cơ sở loại A, 08 cơ sở loại B, 05 cơ sở xin tạm ngưng hoạt động); cấp 05 giấy Chứng nhận đủ điều kiện ATTP; thu 38 mẫu nông sản thực phẩm để phân tích chỉ tiêu chất lượng và ATTP; tổ chức 11 lớp tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý an toàn thực phẩm cho công chức, viên chức làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm và phụ trách tiêu chí nông thôn mới có 227 lượt người tham dự. Nâng đến nay hướng dẫn, tiếp nhận 77 cơ sở ký bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn. Thẩm định điều kiện bảo đảm ATTP 121 cơ sở (35 cơ sở loại A, 73 cơ sở loại B, 02 cơ sở đang sửa chữa và 11 cơ sở xin tạm ngưng hoạt động); cấp 53 Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (16 cấp mới, 37 cấp lại) và cấp 24 giấy chứng nhận xuất xứ nguyên thể 02 mảnh vỏ; Thu 299 mẫu nông sản, thực phẩm để phân tích chỉ tiêu chất lượng và ATTP; tổ chức 43 lớp tập huấn, tuyên truyền phổ biến kiến thức, quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn, có 1.454 người dự; thông báo 06 bản tin kết quả giám sát về ATTP nông lâm thủy sản trên Đài Truyền hình Trà Vinh; vận động 02 cơ sở tham gia xây dựng mô hình chuỗi cung ứng thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn (HTX Bưởi da xanh Hùng Hòa huyện Tiểu Cần và Công ty TNHH Green Farm Trà Vinh).

Quản lý tàu cá, cảng cá: Tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 1.392 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 862 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng, dịch vụ cảng với số tiền 163,17 triệu đồng; thực hiện IUU tại Cảng cá Định An tổ chức thu nhận nhật ký khai thác hải sản 374 giấy cho tàu cá. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 9.305 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 6.700 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng, dịch vụ cảng với số tiền 897,43 triệu đồng; thực hiện IUU tại Cảng cá Định An tổ chức thu nhận nhật ký khai thác hải sản 1.721 giấy cho tàu cá; Kết hợp Bộ đội Biên phòng tỉnh và địa phương đảm bảo an ninh trật tự khu vực Cảng cá Láng Chim và Cảng cá Định An; chuẩn bị tốt nhất các điều kiện, sẵn sàng hỗ trợ ngư dân đưa tàu về nơi neo đậu an toàn khi xảy ra mưa bão; hướng dẫn 245 tàu được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tàu cá (trong đó 234 tàu có chiều dài từ 15 mét đến dưới 24 mét, 11 tàu có chiều dài từ 24 mét trở lên), đạt 100% số tàu khai thác xa bờ.

Thanh tra, kiểm tra 02 hộ giết mổ gia súc (heo), 29 quầy mua bán thịt heo; 05 lượt phương tiện vận chuyên gia súc, gia cầm và giống thủy sản; 07 cơ

sở kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp; 58 lượt tuần tra, kiểm tra rừng và kiểm soát lâm sản; thu 05 mẫu nông sản; phát hiện và xử lý 11 trường hợp theo qui định. Nâng đến nay thanh tra, kiểm tra 26 hộ giết mổ gia súc (heo), 124 quầy mua bán thịt heo; 06 lượt cơ sở giết mổ gia súc tập trung; 102 cơ sở kinh doanh thực phẩm; 60 cơ sở kinh doanh phân bón; 25 lượt phương tiện vận chuyển gia súc, gia cầm và giống thủy sản; 44 cơ sở kinh doanh thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; 07 cơ sở kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp; 06 công ty sản xuất và kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp; 01 hợp tác xã Nông nghiệp; 05 cơ sở kinh doanh giống lúa; 64 cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y và 522 lượt tuần tra, kiểm tra rừng và kiểm soát lâm sản, 594 phương tiện tàu cá; thu 236 mẫu nông sản; phát hiện và xử lý 66 trường hợp theo qui định.

b) Công tác khuyến nông và công tác giống

Công tác khuyến nông: Phối hợp tổ chức 18 lớp tập huấn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản cho 510 lượt người tham dự; cấp phát 510 tờ bướm. Nâng đến nay tổ chức 51 lớp tập huấn kỹ thuật, gồm: 09 lớp trồng trọt, 18 lớp chăn nuôi, 24 lớp thủy sản cho 1.476 nông dân dự; cấp phát 1.476 tờ bướm về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản. Kết hợp Đài Phát thanh - Truyền hình Trà Vinh thực hiện 02 cuộc phóng sự về “nuôi ốc bươu đen thương phẩm” và 01 “quản lý đàn vật nuôi trong điều kiện khô, hạn” Phối hợp với địa phương thực hiện theo dõi 09 mô hình trình diễn thuộc mô hình thực nghiệm giống cây, con mới, Chương trình Khuyến nông Quốc gia và các dự án kết hợp. Xây dựng đề án hoạt động, vận hành kho lạnh thông minh và đề án liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong việc vận hành kho lạnh thông minh.

Công tác giống:

+ Giống cây trồng: vụ Hè Thu xuống giống 7,2 ha đang chín đường phát triển tốt chuẩn bị thu hoạch; chăm sóc cam sành gốc ghép vô bầu, cây cam sành không hạt S₁, cây S₀ quýt; ươm 4.600 trái dừa giống, chiết 4.640 nhánh chanh; cung ứng 850 kg bưởi thương phẩm, 5.426 trái dừa và 6.558 cây giống các loại.

+ Giống thủy sản: Xuất bán 09 triệu con giống tôm càng xanh toàn đực; thu hoạch 24,2 tấn tôm thẻ, đang thả 600 ngàn con giống tôm thẻ chân trắng.

6. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Tình hình giá tôm nguyên liệu vẫn ở mức thấp nên người dân chưa mạnh dạn đầu tư cho việc tái sản xuất.

Tỷ lệ tiêm phòng cho đàn vật nuôi đạt thấp, chưa bảo hộ được cho đàn vật nuôi. Nguyên nhân việc vận động người nuôi chủ động tiêm phòng các loại vắc xin để bảo hộ đàn vật nuôi chưa đạt hiệu quả cao, nên tỷ lệ còn thấp

Chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp còn chậm và chưa đồng bộ, liên kết giữa sản xuất, chế biến, tiêu thụ còn nhiều bất cập; kinh tế hợp tác hoạt động hiệu quả chưa cao.

Giá cả vật tư đầu vào còn ở mức cao (phân bón, thức ăn, thuốc BVTV, thuốc thú y,..) làm tăng giá thành sản xuất trong khi giá cả đầu ra một số mặt

hàng nông sản chủ lực (cây ăn trái, dừa, tôm sú, tôm thẻ, bò hơi...) không ổn định và ở mức thấp dẫn đến lợi nhuận của người sản xuất không cao.

Tình hình nguồn lợi thủy sản giảm, giá nhiên liệu và thuê nhân công cao cũng là nguyên nhân tàu hạn chế ra khơi bám biển nên sản lượng khai thác giảm so với cùng kỳ.

II. CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, THỦY SẢN VÀ PTNT

1. Trồng trọt và bảo vệ thực vật

Cây lúa: Hướng dẫn nông dân chăm sóc tốt diện tích hiện diện trên đồng, bón phân cân đối để cây lúa khỏe, chống đổ ngã; tiếp tục theo dõi hệ thống giám sát côn trùng thông minh và các điểm dự báo sâu bệnh để hướng dẫn nông dân phòng trị có hiệu quả, không để lây lan thành dịch, nhất là bệnh đạo ôn, rầy nâu, chuột gây hại, đảm bảo năng suất, sản lượng đạt theo kế hoạch; kết hợp địa với địa phương tuyên truyền nông dân xuống giống lúa vụ lúa Thu Đông theo khung lịch thời vụ tại thông báo số 480/TB-SNN-BVTV ngày 01/8/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, dứt điểm vào ngày 30/9/2023. Nâng cao hiệu quả và sử dụng linh hoạt đất trồng lúa, chú trọng thâm canh tăng năng suất, phát triển sản xuất lúa chất lượng cao, đẩy mạnh phát triển sản xuất lúa hữu cơ.

Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Tiếp tục thực hiện kế hoạch trồng màu vụ mùa trên đất các vùng đất trèn giồng, giồng cát; mở rộng diện tích trồng màu phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương, chủ động thoát nước tốt khi mưa lớn, tập trung.

2. Chăn nuôi và thú y

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh năm 2023; giám sát tình hình dịch bệnh và tuyên truyền sâu rộng về nguy cơ bùng phát dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm, nhất là bệnh Cúm gia cầm, LMLM gia súc, Đại chó, mèo; phối hợp với địa phương tăng cường vận động tuyên truyền các hộ chăn nuôi tập trung, chủ động tiêm phòng các loại vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm để bảo hộ đàn vật nuôi; giám sát tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi để chủ động thực hiện tốt các giải pháp phòng, chống; tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở chăn nuôi thực hiện tốt các giải pháp chăn nuôi an toàn sinh học đặc biệt lựa chọn con giống sạch bệnh

Đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước về công tác giống, quản lý chặt chẽ các cơ sở kinh doanh thức ăn, thuốc thú y và dịch vụ thú y, kịp thời ngăn chặn và hạn chế tình trạng lạm dụng thuốc kháng sinh, sử dụng kháng sinh cấm và các chất tăng trọng để tạo ra sản phẩm an toàn; tăng cường kiểm soát giết mổ tại các cơ sở giết mổ tập trung, kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật xuất nhập tỉnh.

3. Thủy sản

Vận động, khuyến cáo người nuôi thả giống theo lịch thời vụ thả nuôi một số đối tượng thủy sản trên địa bàn tỉnh mùa vụ năm 2023-2024. Tăng cường công tác giám sát và kiểm soát dịch bệnh của các loài thủy sản nuôi; quản lý tốt vùng nuôi hạn chế đến mức thấp nhất ô nhiễm môi trường; kiểm soát, giám sát và quản lý tốt chất lượng con giống, thức ăn, hóa chất, thuốc thú y thủy sản và những tác

động của sản xuất đến môi trường để có những giải pháp khắc phục kịp thời. Thực hiện quan trắc môi trường nước, thu mẫu giáp xác phân tích mầm bệnh và thông báo trên Đài Phát thanh – Truyền hình để người dân quản lý ao nuôi; tiếp tục tuyên truyền phổ biến đến người nuôi việc thực hiện đăng ký nuôi các đối tượng thủy sản chủ lực làm cơ sở cấp mã vùng nuôi, thực hiện các giải pháp ứng phó với dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản; tổ chức lại sản xuất trên biển theo mô hình hợp tác, liên kết chuỗi giữa khai thác - cung ứng dịch vụ hậu cần. Giảm khai thác thủy sản nội đồng, vùng cửa sông và hải sản gần bờ nhằm tái tạo lại nguồn lợi thủy sản.

4. Lâm nghiệp

Triển khai Kế hoạch trồng, chăm sóc rừng và kế hoạch giao khoán bảo vệ rừng năm 2023; tiếp tục chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2023 và giai đoạn 2023 – 2025; tiếp tục đôn đốc thực hiện Kế hoạch 84/KH-UBND ngày 20/9/2021 về trồng rừng, trồng cây xanh phân tán trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025; triển khai thực hiện Chỉ thị số 4/CT-TTg ngày 17/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để bảo tồn các loài chim hoang dã, di cư tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Tổ chức tuyên truyền, tập huấn về phòng cháy, chữa cháy rừng, Luật Lâm nghiệp và các văn bản có liên quan cho các tổ chức, cá nhân nhận khoán, cộng đồng dân cư sống gần rừng nâng cao ý thức về vai trò, tầm quan trọng và lợi ích của rừng; phân công cán bộ trực và chuẩn bị sẵn sàng phương tiện chữa cháy, trang thiết bị cần thiết phục vụ cho công tác phòng cháy, chữa cháy rừng đảm bảo không để xảy ra cháy rừng; tăng cường tuần tra bảo vệ rừng, kiểm soát lâm sản và quản lý động vật hoang dã, ngăn chặn và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm.

5. Phát triển nông thôn

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Tham mưu tổ triển khai thực hiện tốt kế hoạch xây dựng NTM năm 2023; Kiểm tra kết quả xây dựng huyện Trà Cú đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023; Rà soát kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, huyện NTM, huyện NTM nâng cao năm 2023.

Kinh tế hợp tác: Triển khai 05 lớp tập huấn củng cố HTX còn lại nhằm làm điểm hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động năm 2023; 01 lớp thành lập mới HTX; 02 lớp thành lập mới THT trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; tham mưu lãnh đạo trình UBND điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 78/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh trên cơ sở đề nghị của địa phương.

Ngành nghề nông thôn và Chương trình OCOP: Tiếp tục phối hợp với UBND huyện Tiểu Cần về hồ sơ **Dự án chuỗi giá trị tại chủ thể Mật Hoa dứa** (theo Quyết định số 799/QĐ-VPĐP của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); tiếp tục phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, phòng Kinh tế thị xã, thành phố triển khai các nội dung thực hiện chính sách hỗ trợ cơ sở tham gia chương trình OCOP năm 2023; tổ chức họp Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP năm 2023 (lần 1); tổng hợp bảng điểm đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP Hội đồng cấp tỉnh.

Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Tiếp tục thực hiện Dự án công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh: Ký hợp đồng với đơn vị tư vấn, đơn vị tư vấn lập thiết kế bước 2; dự án Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang: Trình phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và tổ chức lựa chọn nhà thầu; Rà soát mạng lưới cấp nước sạch nông thôn, đề xuất mở rộng tuyến ống cung cấp nước sạch cho người dân.

6. Xây dựng cơ bản, công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai

Tiếp tục đôn đốc các địa phương khẩn trương hoàn thành công tác thủy lợi nội đồng năm 2023, đồng thời, xây dựng kế hoạch thủy lợi nội đồng năm 2024; trực vớt lục bình để khơi thông dòng chảy; tiếp tục triển khai Luật Thủy lợi và các văn bản dưới luật có liên quan; đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động các công trình thủy lợi, củng cố, tăng cường năng lực phòng, chống thiên tai.

Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phòng chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn giai đoạn từ năm 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Triển khai thực hiện các công trình duy tu, bảo dưỡng đê điều từ đây đến cuối năm; thường xuyên kiểm tra các tuyến đê, kè bảo vệ bờ biển để tham mưu, đề xuất xử lý kịp thời khi có sự cố xảy ra; xây dựng kế hoạch duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng và khắc phục sạt lở công trình đê điều năm 2024.

Tham mưu trình phê duyệt: Kế hoạch mua sắm vật tư, phương tiện, trang thiết bị phòng, chống thiên tai; Danh sách đào tạo đội ngũ giảng viên cấp tỉnh thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; phối hợp với địa phương hỗ trợ kịp thời cho người dân khắc phục hậu quả thiệt hại do bão gây ra.

7. Công tác chuyên môn

Tổ chức tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và trực tiếp tư vấn kỹ thuật sản xuất cho người dân; tiếp tục triển khai và theo dõi các mô hình khuyến nông thuộc các nguồn vốn sự nghiệp, Khuyến nông Quốc gia và dự án; phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình Trà Vinh thực hiện các phóng sự, tọa đàm, chuyên mục và bản tin thời sự về công tác khuyến nông.

Tổ chức tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý an toàn thực phẩm và hỗ trợ Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Tiểu Cần và phổ biến kiến thức, quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn trên địa bàn các xã Tập Ngãi, Ngãi Hùng, Tân Hùng; thông tin kịp thời kết quả giám sát về ATTP nông lâm thủy sản trên Đài Truyền hình; thực hiện Chương trình giám sát, vệ sinh an toàn thực phẩm trong thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ và Chương trình giám sát dư lượng chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục sản xuất, điều tiết và cung ứng giống cây trồng, giống vật nuôi đảm bảo chất lượng cung ứng cho nông dân trên địa bàn tỉnh.

Quản lý tốt tàu thuyền và xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, kiểm soát giết mổ, kiểm dịch động vật, các hộ kinh doanh, buôn bán gỗ và các lâm sản khác, kết hợp thu các mẫu sản phẩm, hàng hóa để phân tích, kiểm tra chất lượng; tăng cường công tác phối hợp với Công an tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh, Sở Y Tế, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ trong công tác thanh tra chuyên ngành.

Trên đây là báo cáo tình hình công tác tháng 8 và kế hoạch công tác tháng 9 năm 2023 của ngành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, phòng Kinh tế thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể cho đơn vị, địa phương mình tổ chức quán triệt trong nội bộ và tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện để đạt kết quả cao nhất./.

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

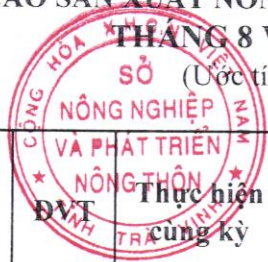


Trần Văn Dũng

BÁO CÁO SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

THÁNG 8 VÀ 8 THÁNG NĂM 2023

(Ước tính đến ngày 15/8/2023)



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện cùng kỳ	Năm 2023			So sánh	
				Kế hoạch	Ước TH tháng 8	Ước TH 8 tháng	Cùng kỳ	Kế hoạch
A	TRỒNG TRỌT							
	Cây hàng năm							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	174.825	242.513	10.528	182.089	104,15	75,08
	Tổng sản lượng	tấn	1.235.802	2.454.722	137.215	1.324.476	107,18	53,96
	Cây lương thực có hạt							
	Cây lúa	Ha	137.952	193.628	7.382	143.262	103,85	73,99
1.	Sản lượng	tấn	135.048	189.928	7.167	140.338	103,92	73,89
	Sản lượng	tấn	416.904	1.055.570	68.311	465.282	111,60	44,08
b	Vụ mùa							
	- Diện tích xuống giống	ha	1.090			1.142	104,79	
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1.090			1.142	104,79	
	- Năng suất	Tạ/ha	49,77			44,21	88,84	
	- Sản lượng	tấn	5.422			5.048	93,09	
c	Đông Xuân							
	- Diện tích xuống giống	ha	63.326	51.700		62.059	98,00	120,04
	- Diện tích thu hoạch	Ha	63.311	51.700		62.059	98,02	120,04
	- Năng suất	Tạ/ha	64,99	67,00		61,08	93,99	91,17
	- Sản lượng	tấn	411.482	346.390		379.085	92,13	109,44
d	Hè Thu							
	- Diện tích xuống giống	ha	69.967	69.970		69.970	100,00	100,00
	- Diện tích thu hoạch	Ha	18.763	69.970	12.725	15.516	82,69	22,18
	- Năng suất	Tạ/ha	50,45	51,00	53,68	52,30	103,66	102,56
	- Sản lượng	tấn	94.664	356.816	68.311	81.149	85,72	22,74
e	Thu Đông							
	- Diện tích xuống giống	ha	666	68.258	7.167	7.167	1.076,19	10,50
	- Diện tích thu hoạch	Ha		68.258				
	- Năng suất	Tạ/ha		51,62				
	- Sản lượng	tấn		352.364				
2.	Cây màu							
	Diện tích gieo trồng	Ha	39.777	52.585	3.360	41.751	104,96	79,40
	Diện tích thu hoạch	Ha	30.311	52.585	2.772	31.679	104,51	60,24
	Sản lượng thu hoạch	tấn	818.898	1.399.152	68.904	859.195	104,92	61,41
a	Màu lương thực	Ha	4.540	5.970	430	4.662	102,68	78,09
	Cây bắp							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.903,8	3.700	215	2.923,7	100,69	79,02
	+ Diện tích thu hoạch	"	2.473,1	3.700	241	2.498,23	101,02	67,52
	+ Năng suất	Tạ/ha	55,90	55,50	59,60	53,03	94,87	95,55
	+ Sản lượng	Tấn	13.825	20.535	1.435	13.248	95,83	64,51
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	911,30	1.300	116	1.080,10	118,52	83,08
	+ Diện tích thu hoạch	"	648,34	1.300	80	773,52	119,31	59,50
	+ Năng suất	Tạ/ha	176,40	168,90	174,50	147,25	83,47	87,18
	+ Sản lượng	Tấn	11.437	21.957	1.402	11.390	99,59	51,87
	Khoai mì							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	447,0	570	50	387,7	86,73	68,02
	+ Diện tích thu hoạch	"	296,74	570	30	264,22	89,04	46,35
	+ Năng suất	Tạ/ha	163,80	192,11	185,20	186,10	113,61	96,87
	+ Sản lượng	Tấn	4.861	10.950	563	4.917	101,16	44,91



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	Năm 2023			So sánh	
				Kế hoạch	Ước TH tháng 8	Ước TH 8 tháng	Cùng kỳ	Kế hoạch
b	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	278,1	400	49	270,3	97,20	67,58
	+ Diện tích thu hoạch	"	180,35	400	17	176,81	98,04	44,20
	+ Năng suất	Tạ/ha	169,80	174,38	176,30	175,10	103,12	100,42
	+ Sản lượng	Tấn	3.062	6.975	307	3.096	101,10	44,39
	Cây thực phẩm	Ha	22.564	32.575	2.448	23.800	105,48	73,06
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	22.130,0	32.100	2.437	23.362,9	105,57	72,78
	+ Diện tích thu hoạch	"	16.128,75	32.100	1.853	17.214	106,73	53,63
	+ Năng suất	Tạ/ha	226,50	226,10	235,00	234,80	103,66	103,85
	+ Sản lượng	Tấn	365.316	725.781	43.542	404.193	110,64	55,69
	Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	434,0	475	10	437,1	100,71	92,01
	c	+ Diện tích thu hoạch	"	315,42	475	14	311,53	98,77
+ Năng suất		Tạ/ha	19,87	21,05	21,80	22,00	110,72	104,50
+ Sản lượng		Tấn	627	1.000	31	685	109,35	68,54
Cây công nghiệp hàng năm			12.673	14.040	483	13.289	104,86	94,65
Đậu phộng								
+ Diện tích gieo trồng		Ha	3.945,5	4.420	91	4.018	101,85	90,91
+ Diện tích thu hoạch		"	3.518,22	4.420	74	3.543	100,71	80,17
+ Năng suất		Tạ/ha	51,10	52,40	55,10	51,80	101,37	98,85
+ Sản lượng		Tấn	17.978	23.161	410	18.355	102,09	79,25
Mía								
+ Diện tích trồng		Ha	1.287,6	1.300	19	1.397	108,52	107,48
+ Diện tích thu hoạch		"	884,65	1.300	21	995	112,52	76,57
+ Năng suất		Tạ/ha	986,2	978,20	1.015,80	987,60	100,14	100,96
+ Sản lượng		Tấn	87.244	127.166	2.159	98.303	112,68	77,30
Cây lác (cói)								
+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.051,9	2.570	173	2.050	99,92	79,78	
+ Diện tích thu hoạch	"	1.486,37	2.570	186	1.483	99,80	57,72	
+ Năng suất	Tạ/ha	127,5	118,20	126,60	104,6	82,05	88,51	
+ Sản lượng	Tấn	18.951	30.377	2.354	15.520	81,89	51,09	
Cây trồng khác								
+ Diện tích gieo trồng	ha	5.388,20	5.750	200	5.823	108,07	101,27	
+ Diện tích thu hoạch	ha	4.379,22	5.750	254	4.418	100,89	76,84	
+ Sản lượng	Tấn	295.597	431.250	16.701	289.488	97,93	67,13	
B LÂM NGHIỆP								
- DT rừng trồng tập trung	Ha	15	50	9	20	133,33		
- Chăm sóc rừng	Ha	310	116		116	37,42		
- DT giao khoán bảo vệ	Ha	3.435	3.490		3.490	101,60		
C THỦY SẢN								
1. Tổng diện tích nuôi	Ha	54.658	52.100	4.711	55.673	101,86	106,86	
1.1 Nuôi nước ngọt	"	3.026	3.500	141	4.153	137,24	118,65	
- Diện tích nuôi cá	"	1.380	2.000	123	2.371	171,85	118,53	
Trong đó: + Cá tra	"	19	50	3	23	121,73	45,72	
+ Cá lóc	"	391	480	14	327	83,63	68,07	
- Diện tích nuôi giáp xác	"	1.646	1.500	18	1.782	108,24	118,80	
Trong đó: tôm càng xanh	"	1.646	1.500	18	1.782	108,24	118,80	
- Diện tích nuôi khác	"							
1.2. Nuôi nước mặn, lợ	Ha	51.632	48.600	4.571	51.521	99,78	106,01	
- Diện tích nuôi cá								

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	Năm 2023			So sánh	
				Kế hoạch	Ước TH tháng 8	Ước TH 8 tháng	Cùng kỳ	Kế hoạch
	Trong đó: + cá giò, cá + ...	"						
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	51.082	47.800	4.571	50.852	99,55	106,38
	Trong đó: + Tôm sú	"	21.683	19.500	2.486	22.819	105,24	117,02
	+ Tôm thẻ chân	"	7.300	8.300	440	6.536	89,53	78,75
	+ Cua biển	"	22.099	20.000	1.645	21.497	97,28	107,49
	- Diện tích nuôi khác (nghêu - sò huyết)	"	550	800	-	669	121,64	83,63
2	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	151.990	244.550	36.905	172.177	113,28	70,41
2.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	114.745	180.200	23.667	130.772	113,97	72,57
2.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	49.422	82.200	1.599	54.138	109,54	65,86
	- Sản lượng cá	"	48.238	80.000	1.373	52.355	108,53	65,44
	Trong đó: + Cá tra	"	3.910	7.000	51	9.497	242,88	35,67
	+ Cá lóc	"	34.838	55.500	654	38.732	111,18	69,79
	- Sản lượng giáp xác	"	1.184	2.200	226	1.783	150,65	81,05
	Trong đó: tôm càng xanh	"	1.184	2.200	226	1.783	150,65	81,05
	- Sản lượng thủy sản khác	"						
2.1.2	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	65.323	98.000	22.068	76.634	117,32	78,20
	- Sản lượng giáp xác nước	"	62.742	95.000	19.835	71.648	114,19	75,42
	Trong đó: + Tôm sú	"	9.574	13.300	3.857	9.509	99,32	71,50
	+ Tôm thẻ chân	"	49.047	75.500	14.118	58.449	119,17	77,42
	+ Nuôi cua biển	"	4.122	6.200	1.860	3.690	89,53	59,52
	- Sản lượng thủy sản khác	"	2.581	3.000	2.233	4.986	193,22	166,20
	(nghêu - sò huyết)	"						
2.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	37.245	64.350	13.238	41.405	111,17	64,34
2.2.1	Khai thác biển	Tấn	32.508	57.500	12.537	36.644	112,72	63,73
	- Cá các loại	Tấn	17.603	29.500	6.179	19.916	113,14	67,51
	- Tôm các loại	Tấn	3.618	5.500	1.178	3.570	98,68	64,91
	- Thủy sản khác	"	11.287	22.500	5.180	13.158	116,57	58,48
2.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	4.738	6.850	701	4.761	100,49	69,50
	Trong đó: - Cá các loại	"	1.319	1.800	403	1.347	102,09	74,83
	- Tôm các loại	"	527	550	68	420	79,60	76,31
	- Thủy sản khác	"	2.891	4.500	230	2.994	103,57	66,53
	* Tình hình thiệt hại tôm sú							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	20.494		1.381	19.449	95	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	1.504		166	1.204	80	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	21.683		2.486	22.819	105	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	593		103	614	104	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	1.406		62	1.169	83	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	166		21	104	63	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt	%	11,8		33	9	76	
	* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	16.909		1.697	15.062	89	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	2.661		387	2.220	83	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	7.300		440	6.536	90	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	1.096		187	821	75	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	5.025		409	4.637	92	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	786		102	537	68	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt	%	15,6		25	12	74	